

Bản tin Phân tích kỹ thuật

25/05/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1G6000 tăng điểm từ đầu ngày, duy trì giá đóng cửa trên đường MA20 và MA50 cho thấy áp lực điều chỉnh trước đó đã bắt đầu thuyên giảm. (M15)
- Dự báo nhịp hồi phục hiện tại sẽ giúp 41I1G6000 kiểm định lại vùng 2.030-2.033 điểm. Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 2.022 điểm và dừng lỗ khi vi phạm ngưỡng 2.018 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 2.022 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.033 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.018 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tích cực
VN30	Tiêu cực	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tích cực	Tích cực

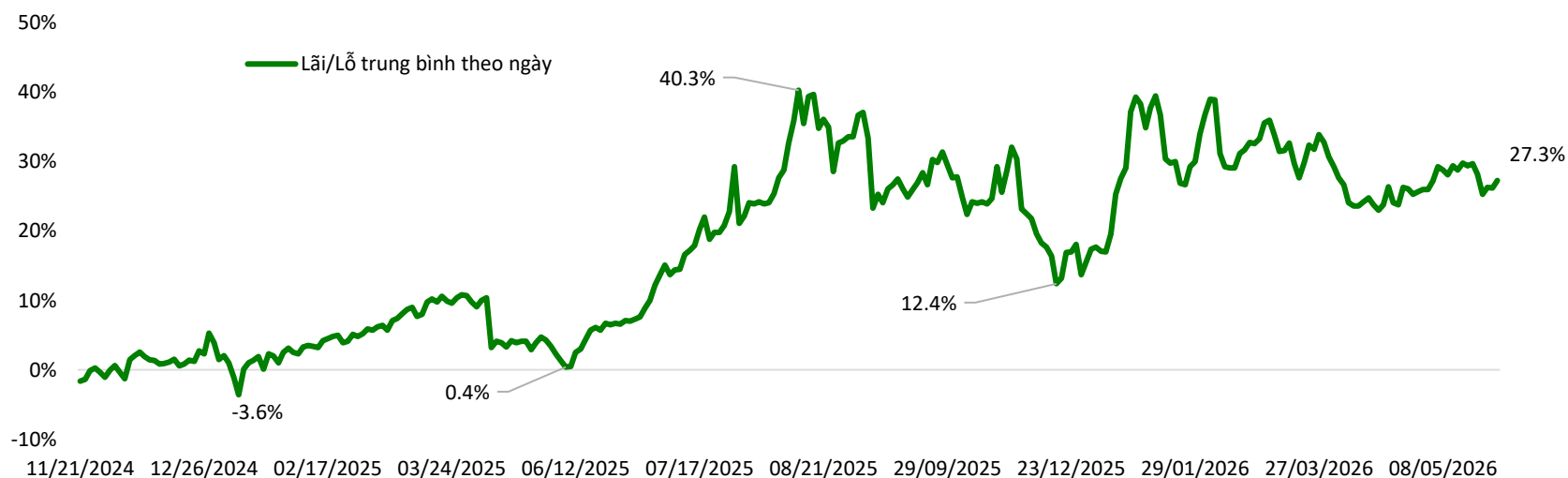


Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, áp lực bán vẫn duy trì ở mức cao tại nhóm Dầu khí và Phân bón, nhưng đã thuyên giảm đáng kể trên phần lớn các nhóm ngành còn lại. Ở chiều ngược lại, lực cầu chỉ cải thiện cục bộ tại một số cổ phiếu Ngân hàng tư nhân, Dịch vụ Tiêu dùng và Tiêu dùng, trong khi mức độ lan tỏa trên toàn thị trường vẫn chưa nổi bật.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index thoái lui sau khi tiếp cận vùng 1.890 điểm, cho thấy nhịp hồi phục tiếp tục bị cản trở tại vùng kháng cự 1.890–1.900 điểm. Do đó, giai đoạn điều chỉnh ngắn hạn vẫn chưa kết thúc. Xác suất hiện vẫn nghiêng về kịch bản chỉ số kiểm định lại vùng 1.840 điểm, thay vì sớm vượt trở lại vùng kháng cự nêu trên.
- Xét về rủi ro, mặc dù áp lực bán đã hạ nhiệt trên diện rộng trong phiên 25/05, lực mua hiện chỉ cải thiện cục bộ và chưa đủ để giúp VN-Index vượt vùng kháng cự ngắn hạn 1.890–1.900 điểm. Vì vậy, môi trường hiện tại vẫn thiếu điều kiện để mở mới hoặc gia tăng tỷ trọng các vị thế ngắn hạn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SAB	29/04/2026		Đang mở	47,900	47,500	0.8%	46,000	53,600		
VPL	07/05/2026		Đang mở	95,700	88,000	8.8%	83,500	105,000	88,000	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	158,700	3.19%	3.05%	651,846	4.128	15,766	2.5	10.1	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VIC	218,800	1.06%	-2.76%	1,686,080	3.561	1,506	11.4	145.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
BSR	28,200	-5.05%	-15.70%	141,206	-1.418	2,612	2.1	10.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	82,000	-3.42%	-11.83%	197,862	-1.344	4,808	2.9	17.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VPL	95,700	2.46%	5.86%	171,619	0.840	1,405	4.5	68.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	34,300	-2.83%	-12.72%	137,200	-0.773	1,572	2.3	21.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
ACB	23,550	3.06%	2.39%	120,968	0.737	3,167	1.2	7.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	26,400	2.13%	-3.83%	132,139	0.559	3,546	1.6	7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	39,700	-5.36%	-12.07%	50,443	-0.538	1,400	2.0	28.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
FPT	73,500	-2.13%	-1.87%	125,208	-0.530	5,691	3.2	12.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	32,800	3.47%	-0.91%	74,532	0.514	3,025	1.5	10.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCX	43,400	2.12%	3.13%	120,387	0.508	2,202	2.7	19.7	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	32,550	1.09%	-2.25%	230,657	0.498	3,677	1.3	8.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	54,000	1.50%	3.25%	161,313	0.482	3,738	3.3	14.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	173,800	2.18%	1.58%	102,822	0.445	4,290	4.0	40.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	83,600	10.00%	57.74%	32,186	2.745	271	7.2	308.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	11,600	7.41%	7.41%	22,326	1.410	43	1.6	267.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,000	-4.76%	-10.59%	19,434	-0.789	3,781	1.3	10.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
KSV	164,500	2.81%	0.92%	32,900	0.789	13,090	5.5	12.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
KSF	83,900	0.96%	0.24%	75,492	0.620	14,074	4.3	6.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VIF	15,100	-3.82%	-1.95%	5,285	-0.172	1,382	1.0	10.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	43,100	-1.15%	0.70%	16,356	-0.160	4,899	2.4	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
OCH	8,000	9.59%	45.45%	1,600	0.131	402	1.0	19.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVI	78,000	-0.64%	-3.70%	18,271	-0.099	5,641	2.1	13.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
CEO	16,500	-1.20%	-7.82%	9,362	-0.096	354	1.5	46.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	43,800	-0.68%	-2.88%	157,321	-0.279	2,980	2.2	14.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	155,900	6.20%	6.05%	17,088	0.277	6,543	7.0	23.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCR	39,900	11.76%	11.76%	8,379	0.257	-496	5.7	-80.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	14,700	-5.77%	-13.53%	15,316	-0.231	892	1.4	16.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	11,600	9.43%	22.11%	7,726	0.190	907	0.9	12.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDP	283,600	-3.86%	-4.06%	17,188	-0.173	5,055	5.2	55.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	94,400	0.21%	-3.18%	287,680	0.159	3,657	6.5	25.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
DCV	140,000	11.02%	-3.45%	4,185	0.120	0	0.0	0.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TSJ	39,800	14.70%	14.70%	2,977	0.114	1,361	3.3	29.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ABB	15,500	1.31%	1.31%	21,483	0.073	3,204	1.2	4.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

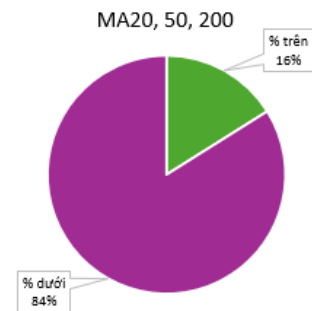
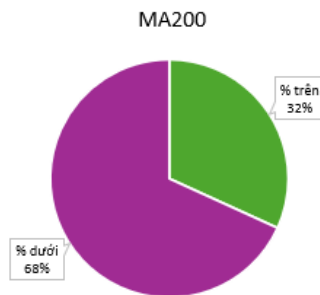
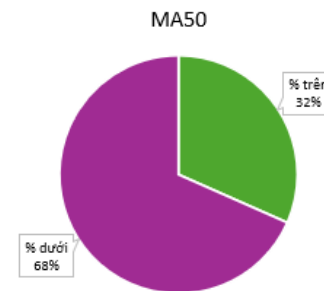
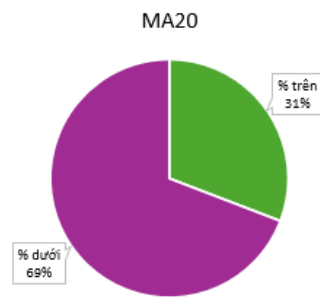
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPB	54,000	1.5%	63.5	72.0	29,484	53,200	3.3	14.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,500	1.3%	8.2	10.3	6,946	15,400	1.2	4.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	11,600	9.4%	47.3	8.1	7,000	10,600	0.9	12.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OCH	8,000	9.6%	8.0	0.8	5,400	7,300	1.0	19.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TV2	30,400	-0.3%	5.8	14.4	30,500	43,050	1.6	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	4,800	14.3%	33.8	3.7	1,400	8,100	-1.6	-1.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VNE	2,550	6.7%	12.3	2.6	2,390	8,380	0.3	2.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	11,600	7.4%	13.4	2.7	10,200	18,200	1.6	267.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			25/05/2026	22/05/2026	21/05/2026	20/05/2026	19/05/2026	18/05/2026	15/05/2026	14/05/2026
VNINDEX	MA200	Trên	25%	26%	26%	26%	28%	29%	29%	30%
		Dưới	75%	74%	74%	74%	72%	71%	71%	70%
	MA50	Trên	33%	32%	34%	32%	38%	43%	40%	40%
		Dưới	67%	68%	66%	68%	62%	57%	60%	60%
	MA20	Trên	26%	29%	28%	27%	32%	39%	36%	36%
		Dưới	74%	71%	72%	73%	68%	61%	64%	64%
VN30	MA200	Trên	43%	47%	47%	47%	50%	50%	50%	57%
		Dưới	57%	53%	53%	53%	50%	50%	50%	43%
	MA50	Trên	60%	50%	60%	57%	57%	63%	60%	60%
		Dưới	40%	50%	40%	43%	43%	37%	40%	40%
	MA20	Trên	30%	33%	37%	43%	47%	60%	57%	60%
		Dưới	70%	67%	63%	57%	53%	40%	43%	40%
HNX	MA200	Trên	33%	33%	32%	32%	32%	33%	33%	33%
		Dưới	67%	67%	68%	68%	68%	67%	67%	67%
	MA50	Trên	35%	36%	35%	36%	37%	38%	37%	39%
		Dưới	65%	64%	65%	64%	63%	62%	63%	61%
	MA20	Trên	33%	33%	32%	32%	32%	33%	33%	33%
		Dưới	67%	67%	68%	68%	68%	67%	67%	67%
UPCOM	MA200	Trên	31%	33%	30%	29%	31%	32%	31%	30%
		Dưới	69%	67%	70%	71%	69%	68%	69%	70%
	MA50	Trên	31%	31%	31%	30%	31%	32%	33%	32%
		Dưới	69%	69%	69%	70%	69%	68%	67%	68%
	MA20	Trên	35%	34%	35%	34%	35%	35%	36%	34%
		Dưới	65%	66%	65%	66%	65%	65%	64%	66%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 5										Tháng 4									
		25 +	22	21	20	19	18	15	14	13	12	11	08	07	06	05	04	29	28	24	23
1	Tài nguyên Cơ bản	51	48	45	47	50	50	52	57	56	56	56	62	61	55	53	54	54	56	58	58
2	Dịch vụ tài chính	49	42	39	42	47	46	44	44	43	44	44	47	52	43	38	35	38	36	42	44
3	Ngân hàng	48	48	49	50	53	54	55	54	54	55	57	58	57	54	53	53	54	54	59	59
4	Thực phẩm và đồ uống...	47	46	45	47	47	48	48	49	49	52	52	55	55	53	49	52	53	55	58	58
5	Dầu khí	46	53	57	56	62	62	56	57	50	41	37	40	46	50	43	27	29	33	36	36
6	Hàng & Dịch vụ Côn...	43	48	51	53	55	53	52	54	52	52	52	53	53	51	48	46	45	47	51	51
7	Du lịch và Giải trí	43	45	45	43	37	42	47	50	51	50	51	59	59	57	54	55	52	47	50	56
8	Hóa chất	42	44	46	47	53	53	50	51	50	49	48	52	55	52	51	44	43	42	46	46
9	Bất động sản	38	38	43	48	53	55	55	53	54	54	56	63	65	63	63	64	62	60	64	62
10	Điện, nước & xăng d...	37	38	37	40	40	40	40	38	36	35	36	38	40	37	35	32	29	32	34	37
11	Bán lẻ	32	32	30	28	27	31	37	38	37	39	43	51	46	44	42	40	47	48	55	58
12	Bảo hiểm	31	33	27	30	35	30	25	28	27	24	22	22	20	18	19	17	20	20	25	22
13	Công nghệ Thông tin	28	29	28	26	22	20	17	16	12	12	13	17	17	19	17	20	19	16	26	26
14	Xây dựng và Vật liệu	28	30	29	31	32	33	37	42	43	44	45	50	53	54	53	56	56	57	62	59
15	Ô tô và phụ tùng	28	29	31	33	31	31	31	31	32	33	39	45	48	45	46	39	44	49	52	51
16	Hàng cá nhân & Gia ...	24	25	24	24	25	25	26	28	28	29	34	40	38	33	34	36	41	41	47	50

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VPL	95,700	2.5%	5.9%	171,619	4.5	68.1	1,405	85.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	54,000	1.5%	3.3%	161,313	3.3	14.4	3,738	63.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	14,450	0.3%	4.0%	45,084	1.0	7.7	1,884	159.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	164,500	2.8%	0.9%	32,900	5.5	12.6	13,090	8.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
QNS	48,900	0.6%	0.2%	17,955	1.7	9.4	5,212	6.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
EVF	13,750	0.4%	-1.1%	10,458	1.0	11.4	1,210	67.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TVN	11,600	9.4%	22.1%	7,726	0.9	12.6	907	47.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAN	33,550	2.8%	2.0%	7,008	1.2	6.1	5,506	83.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PET	48,600	0.6%	4.5%	5,187	2.1	17.6	2,758	40.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	52,100	-0.8%	2.6%	3,188	3.8	17.2	3,033	23.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OCH	8,000	9.6%	45.5%	1,600	1.0	19.9	402	8.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C69	17,900	-1.1%	11.9%	1,106	1.5	21.6	828	17.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TNT	11,000	-6.0%	6.8%	561	0.9	33.4	329	6.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VTZ	20,600	0.0%	0.0%	1,569	1.8	25.0	823	22.2	Tích cực	8.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	158,700	3.2%	3.1%	651,846	2.5	10.1	15,766	579.6	Tích cực	7.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VCB	63,700	0.3%	0.8%	532,257	2.3	14.8	4,301	341.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	47,900	-0.4%	-1.0%	61,435	2.8	12.8	3,754	21.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	15,500	1.3%	1.3%	21,483	1.2	4.8	3,204	8.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	155,900	6.2%	6.1%	17,088	7.0	23.7	6,543	17.9	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTR	92,000	-1.1%	5.4%	10,524	4.8	16.8	5,489	61.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
FRT	130,100	0.6%	-2.9%	22,156	5.0	24.2	5,368	34.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,350	0.9%	-4.5%	8,639	1.3	13.0	1,798	31.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	20,400	-0.5%	-4.9%	7,637	1.5	27.9	731	44.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	25,000	1.2%	-2.2%	4,500	1.4	19.1	1,309	8.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,050	0.0%	-3.6%	2,270	0.4	34.0	149	10.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	30,400	-0.3%	-6.5%	2,053	1.6	15.4	1,971	5.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	20,350	-1.2%	-4.7%	1,282	0.8	8.9	2,286	6.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNE	2,550	6.7%	-15.3%	209	0.3	2.4	1,086	12.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,800	0.0%	-4.1%	270,290	1.4	7.1	4,906	143.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	59,100	-0.7%	-2.3%	123,516	3.8	12.0	4,914	94.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	64,300	-1.8%	-0.6%	32,904	2.3	9.1	7,093	46.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	31,350	-0.5%	-2.2%	29,524	1.2	18.3	1,714	41.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	24,750	-1.0%	-3.9%	28,404	1.6	18.8	1,314	109.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAG	15,450	0.0%	-1.6%	19,581	1.3	6.2	2,495	37.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	48,500	0.0%	-6.0%	18,419	1.2	7.0	6,911	56.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	78,000	-0.6%	-3.7%	18,271	2.1	13.8	5,641	5.0	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HUT	15,600	0.0%	-1.3%	16,665	1.5	31.8	491	14.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	14,800	0.3%	-6.9%	16,463	1.2	70.4	210	114.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	15,850	0.3%	-4.2%	15,815	1.3	26.1	607	84.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCH	15,650	0.0%	-6.0%	14,275	1.2	65.6	239	49.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	12,650	0.40%	-2.69%	25,500	102.4%	(143)	1.0	-88.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	22,900	3.15%	-1.29%	42,600	91.9%	1,077	1.4	21.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	48,500	0.00%	-6.01%	91,200	88.0%	6,911	1.2	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	26,150	2.55%	-0.19%	45,800	79.6%	1,599	1.0	16.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	25,000	1.21%	-2.15%	42,400	71.7%	1,309	1.4	19.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	30,400	-0.33%	-6.46%	49,000	60.7%	1,971	1.6	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,600	0.00%	0.34%	23,100	58.2%	1,676	0.7	8.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	23,350	0.86%	-4.50%	36,200	56.4%	1,798	1.3	13.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	43,150	0.35%	-1.48%	66,800	55.3%	2,896	2.2	14.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	73,500	-2.13%	-1.87%	116,600	55.3%	5,691	3.2	12.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	38,000	-4.76%	-10.59%	60,000	50.4%	3,781	1.3	10.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SSI	27,450	-0.36%	-2.49%	40,800	48.1%	2,153	1.7	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	24,100	0.61%	0.23%	38,900	47.6%	2,499	1.5	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	24,800	0.61%	-2.75%	36,000	46.0%	3,442	1.4	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,800	-1.36%	-10.66%	31,900	44.3%	(99)	1.4	-221.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CTG	34,800	0.00%	-4.13%	50,000	43.7%	4,906	1.4	7.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,000	0.75%	-1.64%	38,000	41.8%	3,314	1.2	8.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	131,000	0.46%	-0.76%	181,700	39.3%	5,341	9.9	24.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	130,100	0.62%	-2.91%	178,800	38.3%	5,368	5.0	24.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	17,950	-0.28%	-5.53%	24,600	36.7%	3,419	1.2	5.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn